

TP.HCM, ngày 15 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

*V/v: Ban hành Quy chế quản lý tài chính của
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40;
- Căn cứ nghị quyết số 07/NQ-HĐQT/L40 ngày 01/9/2021 của Hội đồng quản trị Công Ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

Điều 2: Quy chế quản lý tài chính có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản lý tài chính Công ty ban hành trước đây.

Điều 3: Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc điều hành, Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty, Trưởng Ban chỉ huy công trường, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận :

- Theo điều 3;
- Lưu VP, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

LÊ ĐÌNH HIỂN

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Chương 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng, phạm vi áp dụng

1.1 Quy chế này quy định về công tác quản lý tài chính của Công Ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (sau đây gọi tắt là "Công Ty"), nhằm đảm bảo cho hoạt động tài chính của Công ty mang lại hiệu quả và phù hợp với quy định của Pháp luật.

1.2 Quy chế này điều chỉnh các hoạt động quản lý tài chính trong toàn Công ty, bao gồm:

- Quản lý, sử dụng vốn và tài sản;
- Quản lý doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận và các quỹ;
- Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán và công khai tài chính.

1.3 Công ty có các đơn vị là Phòng, Ban chỉ huy công trường (gọi tắt là đơn vị) được Công ty giao tài sản, tiền vốn để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý tốt tài sản, vật tư, tiền vốn của Công ty.

1.4 Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, việc quản lý tài chính của Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính và hạch toán kế toán.

Điều 2 : Nguyên tắc quản lý tài chính

Quy chế tài chính của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc:

- 2.1 Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước;
- 2.2 Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của Pháp luật;
- 2.3 Đảm bảo tính minh bạch;
- 2.4 Bảo đảm kiểm soát chặt chẽ tài chính của Công ty;
- 2.5 Mọi phân cấp thẩm quyền quyết định về tài chính đều phù hợp với Điều lệ của Công ty (viết tắt là Điều lệ)
- 2.6 Các Công trường trực thuộc, chịu sự phân cấp, kiểm tra và giám sát về chế độ tài chính của Công ty.

Chương 2: QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN

Điều 3: Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là vốn ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

Trong quá trình kinh doanh, tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty.

ty. Quy trình thủ tục thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán quy định.

Khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, điều chỉnh vốn ghi trong điều lệ và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh theo quy định của Pháp luật;

Không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 4: Việc sử dụng vốn tại Công Ty

4.1 Công ty thực hiện quản lý theo nguyên tắc tập trung, thống nhất và được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản theo quy định của Pháp luật và điều lệ, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.

4.2 Công ty được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật và điều lệ.

4.3 Vốn vay: Tổng giám đốc Công ty được phép vay vốn để thực hiện các kế hoạch đầu tư, kinh doanh của Công ty, HĐQT sẽ quyết định hạn mức vay.

4.4 Tổng Giám đốc có quyền điều động vốn và các tài sản hình thành từ nguồn vốn của Công ty căn cứ theo kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, theo nhu cầu sử dụng, hiệu quả sử dụng của các đơn vị trực thuộc;

4.5 Tổng giám đốc Công ty được phép vay vốn ngân hàng để thực hiện các kế hoạch đầu tư, kinh doanh của Công ty sau khi có Quyết định chấp thuận của HĐQT.

Điều 5: Huy động vốn

5.1 Nguyên tắc huy động vốn:

a. Việc huy động vốn được thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả và giới hạn trong toàn bộ tài sản của Công ty, theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được xem xét, tính toán kỹ về hiệu quả kinh tế.

b. Vốn huy động chỉ sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; phải được quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

5.2 Hình thức huy động vốn: Cổ phiếu; vay từ tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, cá nhân, tổ chức khác và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật;

a. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc huy động vốn dưới hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và/hoặc phát hành ra thị trường, loại, số lượng, các quyền và hạn chế của từng loại cổ phiếu phát hành.

b. Việc vay vốn từ tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, cá nhân, tổ chức trong nước khác do Hội đồng quản trị phê duyệt và được thực hiện thông qua hợp đồng vay theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất vay vốn tối đa không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng mục đích vay, cùng thời hạn của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn. Trường hợp cần thiết phải huy động các khoản vay của các tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính mà có lãi suất không vượt quá 150% mức lãi suất huy động bình quân cùng thời hạn của (Vietinbank, Vietcombank, BIDV), Tổng Giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

c. Việc huy động vốn theo các hình thức khác được thực hiện theo quy định pháp luật.

5.3. Trách nhiệm của Công ty khi thực hiện huy động vốn:

a. Việc huy động vốn của Công ty phải được tính toán, cân nhắc kỹ về hiệu quả kinh tế. Vốn huy động chỉ sử dụng đầu tư vào mục đích sản xuất kinh doanh được phê duyệt, không dùng vào mục đích khác. Vốn huy động phải được quản lý chặt chẽ, kinh doanh có hiệu quả, phải trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết khi huy động vốn.

b. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định các phương án huy động vốn của Công ty; kiểm tra, giám sát bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng có hiệu quả.

c. Công ty không được sử dụng vốn huy động để thực hiện các hoạt động để thực hiện các hoạt động cho vay đối với tổ chức, cá nhân.

d. Tổng mức vốn huy động để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (bao gồm các khoản bảo lãnh, vay vốn của các Công ty con) phải bảo đảm hệ số nợ phải trả không quá 03 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán hoặc chưa được kiểm toán, với điều kiện ưu tiên sử dụng báo cáo tài chính có tổng giá trị tài sản thấp hơn.

5.4. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn: Thực hiện theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 6: Tài sản của Công ty; Đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản của Công ty

6.1 Tài sản của Công ty bao gồm tài sản lưu động và các khoản đầu tư ngắn hạn, tài sản dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn được hình thành từ vốn chủ sở hữu, vốn vay và các nguồn vốn khác;

6.2 Thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp và sửa chữa, thanh lý tài sản cố định thực hiện theo quy định của Điều lệ;

6.3 Việc đầu tư, mua sắm tài sản phải đảm bảo có nguồn vốn chủ sở hữu hoặc nguồn vốn dài hạn tài trợ, Công ty không được đầu tư mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn ngắn hạn hoặc chiếm dụng ngắn hạn;

6.4 Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý, kiểm soát dự án về tiến độ, chất lượng của các dự án đầu tư, sửa chữa;

6.5 Công ty có quyền cầm cố, thế chấp, cho thuê, nhượng bán, thanh lý các tài sản thuộc sở hữu Công ty, được thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp;

6.6 Công ty chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định hữu hình đã hư hỏng, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn;

6.7 Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;

6.8 Thủ tục nhượng bán, thanh lý tài sản cố định được thực hiện theo quy định của Công ty và Pháp luật;

6.9 Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt các phương án mua sắm, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, đầu tư dự án có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 500 triệu đồng. Giá trị trên 500 triệu đồng trình HĐQT hoặc ĐHCĐ phê duyệt theo thẩm quyền được quy định trong điều lệ.

Điều 7: Quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định

7.1 Tài sản cố định phải được giao cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân trong Công ty. Khi sử dụng tài sản cố định của Công ty, các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm:

- Bảo quản và sử dụng tốt tài sản được giao.
- Trường hợp phải di dời, chuyển đổi giữa các đơn vị trong Công ty hoặc ra ngoài Công ty phải do cấp có thẩm quyền (được Tổng giám đốc phân quyền) quyết định.
- Cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản không được tự ý thay đổi hình dạng, giá trị, vị trí, tính năng sử dụng của tài sản khi chưa được lãnh đạo đơn vị chấp nhận. Việc bảo dưỡng, cải tạo, sửa chữa tài sản được thực hiện theo quy định của Công ty.
- Để đảm bảo an toàn cho việc sử dụng tài sản, Tổng giám đốc xem xét và quyết định việc mua bảo hiểm tài sản quan trọng hoặc trích lập dự phòng rủi ro cho tài sản khi cần thiết.

7.2 Công ty lựa chọn áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng với thời gian khấu hao ngắn nhất (hoặc khấu hao nhanh) theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ tài chính quy định. Trường hợp vì điều kiện sản xuất kinh doanh, muốn kéo dài thời gian khấu hao (nhưng vẫn nằm trong quy định của nhà nước) thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT.

7.3 Mọi tài sản cố định của Công ty đều phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý. Tài sản cố định sau khi đã khấu hao hết giá trị nếu vẫn còn sử dụng thì Công ty không trích khấu hao nhưng vẫn tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng như đối với tài sản cố định bình thường. Phòng kế toán phải lập bảng trích khấu hao tài sản cố định hàng tháng làm cơ sở quản lý giá trị còn lại của tài sản và tính chi phí sản xuất kinh doanh.

Điều 8: Quản lý nợ phải thu, tạm ứng, quỹ tiền mặt

8.1 Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về các khoản nợ phải thu của Công ty. Khi ký hợp đồng phải tính toán khả năng thanh toán, thời hạn thanh toán và hiệu quả kinh tế của từng hợp đồng.

8.2 Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong quản lý nợ phải thu là: Phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.

8.3 Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thực hiện kế toán với các khoản nợ phải thu theo chuẩn mực kế toán và trích lập dự phòng nợ khó đòi theo quy định. Kiểm kê, đối chiếu các khoản phải thu với khách nợ; phân loại nợ, xác định các khoản nợ khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi và xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các cá nhân, tập thể, báo cáo Tổng giám đốc xử lý.

8.4 Quy định hạn mức tồn quỹ tiền mặt tối đa như sau :

- **Tại văn phòng Công ty: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)**
- **Tại đơn vị phụ thuộc: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)**

Cuối ngày Thủ quỹ có trách nhiệm nộp hết số tiền tồn quỹ trên hạn mức vào Ngân hàng.

Khi kết thúc tháng, quý, năm, các đơn vị phải tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt lập biên bản và đối chiếu số dư giữa thực tế và sổ sách.

Báo cáo tình hình số dư tiền mặt cho Tổng giám đốc khi có yêu cầu.

Điều 9: Kiểm kê tài sản và hàng tồn kho

Công ty thực hiện kiểm kê tài sản và hàng tồn kho mỗi năm 2 lần (vào ngày 30/6 và 31/12 hàng năm); Xác định chính các số tài sản thừa, thiếu; tài sản không cần dùng; tài sản chờ thanh lý; tình hình công nợ, nợ quá hạn, nợ không thu hồi được; xác định chính xác giá trị hợp lý của hàng tồn kho để có cơ sở trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Điều 10: Xử lý khi tổn thất tài sản

Mọi tổn thất về tài sản của Công ty phải được lập biên bản xác định mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể hoặc cá nhân, thì tập thể, cá nhân gây tổn thất phải bồi thường theo quy định Công ty.
- Nếu tài sản bị tổn thất đã được mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

Chương 3 : QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 11: Doanh thu

Toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ phải có các hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán hiện hành. Việc kiểm soát Doanh thu và Hóa đơn bán hàng được thực hiện hàng tháng. Tổ chức kế toán quản trị theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập khác theo loại hình sản phẩm, dịch vụ đáp ứng kịp thời thông tin cho việc quản lý điều hành Công ty.

Điều 12: Chi phí

12.1 Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà Công ty phải bỏ ra trong năm tài chính. Việc phân loại chi tiết chi phí theo chuẩn mực kế toán và yêu cầu quản lý của công ty.

12.2 Công ty thực hiện việc phân bổ chi phí quản lý công ty cho các công trường trực thuộc và hoạt động khác (nếu có) theo tiêu chí doanh thu.

12.3 Chi phí sửa chữa tài sản cố định (bao gồm sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên) phải phân bổ hết vào chi phí với tiêu chí nhanh nhất (có thể). Nếu kéo dài thời gian phân bổ (nằm trong khung thời gian quy định của pháp luật) thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT.

12.4 Chi phí hoa hồng (chi thưởng): Công ty thực hiện chi thưởng cho các cá nhân có công trong việc tìm kiếm công trình, dự án cho Công ty. Mức thưởng từ 1% đến 3% trên giá trị hợp đồng, phụ lục hợp đồng (chưa bao gồm các loại thuế). Chi phí này được phân bổ vào giá thành tương ứng với giá trị thực hiện của công trình, dự án có khoản chi thưởng này.

12.5 Kế toán trưởng tổ chức theo dõi chi tiết của từng loại chi phí theo từng sản phẩm riêng biệt nhằm đảm bảo cho việc tính giá thành và kết chuyển giá vốn một cách chính xác. Đồng thời thực hiện các báo cáo phân tích, cung cấp thông tin cho công tác quản lý của Công ty.

Điều 13: Nguyên tắc chi và quản lý chi phí

13.1 Công ty phải xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, lao động, tiền lương phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của đơn vị. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát.

13.2 Mọi khoản chi tiêu phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

13.3 Mọi khoản chi tiêu phải được thực hiện trên cơ sở đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ được kiểm soát và phê duyệt theo thẩm quyền quy định của Công ty, quy định của Pháp luật.

13.4 Thực hiện tổ chức các biện pháp quản lý về giá trong mua bán để đảm bảo các khoản chi phí có giá cạnh tranh như: Đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, thường xuyên rà soát giá cả nguyên nhiên vật liệu.

13.5 Kế toán trưởng định kỳ phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của Công ty nhằm phát hiện những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

13.6 Tổng giám đốc tổ chức thực hiện, xây dựng quy trình cụ thể về nội dung, tài liệu chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng ban, đơn vị trong quá trình thực hiện các chi phí được giao hoặc phân cấp. Đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng và đầy đủ của chứng từ chi phí.

13.7 Tổng giám đốc có thể ủy quyền và phân cấp cho cá nhân trong đơn vị Công ty được quyền chi các khoản chi phí. Nội dung phân cấp, ủy quyền sẽ được Tổng giám đốc quyết định cụ thể. Người được ủy quyền hoặc được phân cấp quyền quyết định chi chịu trách nhiệm về các khoản chi trước Tổng giám đốc.

13.8 Đối với các khoản chi sai quy định, cá nhân đề xuất và quyết định chi phải chịu trách nhiệm bồi hoàn theo quyết định của Tổng giám đốc.

Điều 14: Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Tổng Giám đốc Công ty phải đề xuất các giải pháp cấp bách để HĐQT xem xét quyết định, hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

Điều 15: Kiểm tra nội bộ

Công tác kiểm tra nội bộ các Công trường trực thuộc của Phòng ban liên quan nhằm mục đích giúp Ban Tổng Giám đốc nắm bắt tình hình thực tế của các đơn vị trong Công ty để có biện pháp khắc phục kịp thời những tồn tại trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Công ty tổ chức công tác kiểm tra định kỳ theo quý và 6 tháng, năm hoặc đột xuất đối với các đơn vị về các mặt quản lý vật tư kỹ thuật, kinh tế, tài chính, kế toán để xem xét chấn chỉnh công tác hạch toán, quản lý nghiệp vụ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16: Điều khoản thi hành

- Quy chế quản lý tài chính của Công ty tại Doanh nghiệp đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.
- Trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
- Đơn vị, cá nhân nào có hành vi vi phạm Quy chế này của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm và mức độ hậu quả gây ra đều phải chịu hình thức kỷ luật từ cảnh cáo, đình chỉ công tác cho đến sa thải theo quy định của Công ty.
- Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ ĐÌNH HIỂN